

LUẬN PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC

QUYỂN 4

Sở dĩ Như Lai nói rộng về bốn bộ, mỗi bộ đều nói là thứ nhất, là vì trong các pháp để lại cho mặt thế ở vị lai, hoặc có Phạm chí ngoại đạo bốn họ và bốn bộ đệ tử, cùng tranh luận phải trái, tự xưng mình là tôn quý còn người khác là thấp hèn... Những bọn như thế, không thể kể hết, nên vì dự phòng việc đó khi chưa xảy ra, nên mới mở ra con đường tự túc.

Nay gọi Câu Lân là người thứ nhất, vì đó là người hào quý của dòng họ Thích. Cũng như Vua lựa chọn người tùy tùng phải là người chịu bỏ công khó nhọc nên phải chọn họ là thứ nhất.

Lại nữa, thọ nhận pháp giáo hóa đầu tiên, không có ai có khả năng thọ nhận trước mình, nên cũng gọi là thứ nhất. Khéo léo có thể khuyến dụ, dẫn dắt, tương lai nuôi dưỡng Thánh chúng, thọ danh xưng Thiện Lai, trước tiên, nên cũng được gọi là thứ nhất. Như được quy ngưỡng trong cõi Người thì Già-ca-việt là hơn hết; trong các ánh sáng, mặt trời là hơn hết; trong các tinh tú, mặt trăng là hơn hết; trong vạn sông, biển là hơn hết; trong Tứ Thiên Vương, Đề Đầu Lại Trá là hơn hết; trong trời Ba mươi ba, Thích Đề Hoàn là hơn hết; trong sáu trời cõi Dục, Ba Tuần được cho là hơn hết; trong mười tám trời cõi Sắc, Tịnh Cư là hơn hết; Trong chín sáu bộ tăng, Thích Tăng là hơn hết; trong chín mươi sáu thứ đạo, Phật đạo là trên hết; trong năm người Tỳ-kheo v.v., Câu Lân là hơn hết.

Do vậy mà nói Câu Lân là thứ nhất.

Tỳ-kheo Ưu-đà-di là người khuyến dụ, dẫn dắt hơn hết. Tỳ-kheo hành khuyến dụ, dẫn đạo, sở dĩ gọi hơn hết là vì Đức Phật sắp trở lại độ bốn quốc, trước hết là thể hiện thần biến, nhằm đối đáp với nhà vua nên mỗi mỗi đều được giải thích. Số người được hóa độ không thể kể

hết, nên nói khuyến dụ, dẫn đạo là hơn hết.

Tỳ-kheo Ma Ha Đàm, thì căn nhạy bén, mắt tiếp còn Tỳ-kheo khác đều Lậu tận, thành tựu thần thông. Tỳ-kheo này, lậu chưa tận mà đã thành tựu thần thông nên xưng là Câu-luật-đà.

Thông thường người cõi hư không đều dùng thần túc, còn Tỳ-kheo này có thể đi trên không như bước đi trên đất liền, đó là khả năng có được của Tỳ-kheo Thiện Trửu, nên gọi là Câu-luật-đà.

Thần túc của Mục Liên, là lạng lẽ đi qua cõi nước khác. Thần túc của Tỳ-kheo Bà Phá, lấn vào hư không, tiếng chấn động gần xa, vì có năng lực thâm phục ngoại đạo, nên gọi là Câu-luật-đà.

Tỳ-kheo Ngưu Cước, do hai sự nên không được ở thế gian. Hai sự đó là gì? Chân của Tỳ-kheo này trông giống như chân bò và ăn no thì nhai lại. Do hai việc này, nên không được ở thế gian. Nếu, Phạm chí ngoại đạo, thấy Tỳ-kheo kia nhai lại, thì cho Sa-môn ăn không phi thời, sinh tâm chê bai. Do đấy, Đức Phật khiến lên cõi Trời; ở nơi giảng đường Thiện Pháp ngồi thiền, định ý. Tỳ-kheo Thiện Giác thường vì chúng Tăng nên cũng lại đến cõi Trời.

Sau khi Phật nhập Niết-bàn, Tôn giả Ca-diếp đánh kiền chùy, tập họp chúng Tăng rộng rãi, lệnh cho A-na-luật quán sát khắp thế giới, để xem ai không đến họp. A-na-luật, liền quán sát hết thế giới, chỉ có Tỳ-kheo Kiều Tu Hoàn, hiện nay đang ở trên trời, liền sai Thiện Giác, lệnh cho mời đến. Thiện Giác đến cõi Trời Ba mươi ba, thấy Tỳ-kheo này đang nhập định Diệt tận tại giảng đường Thiện pháp, ông liền khảy móng tay đánh thức và nói: Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn đã mười bốn ngày. Ca-diếp tập họp chúng, sai tôi lệnh cho ông nên xuống thế gian, đến chỗ chúng tập họp.

Kiều Tu Hoàn đáp:

- Thế gian đã không, tôi đi làm gì? Tôi không chịu trở lại đời, mà muốn nhận lấy Niết-bàn. Liền đem y, bát phó thác cho Thiện Giác trở lại với chúng Tăng, mà thủ chứng Niết-bàn. Do nhân duyên này, khéo ở nơi cõi Trời; nên gọi là Câu-luật-đà.

Tỳ-kheo Thiện Thắng, vốn là con của quý tộc, lúc mới sinh ra, đã có giày vàng tự nhiên mang vào chân, cha mẹ rất quý trọng, nên xây cất cung điện ba thời, kỹ nữ vui vẻ, luôn ở bên cạnh. Lúc đó, vợ đang nằm ngủ, nhìn răng trắng của nàng, thân hình dù đẹp, nhưng chỉ là xương thôi. Quán khắp thân, thấy toàn xấu xa, đáng sợ, bất giác rùng mình. Ngoảnh lại nhìn nhà cửa, cũng giống như mồ mả, quá sợ hãi, bỏ chạy ra cửa, được hai vị thần đón tiếp, bèn hỏi hai vị thần:

- Hiện nay, ách nạn chồng chất, ai có khả năng cứu?

Hai vị thần đáp:

- Chỉ có Đức Thế Tôn là khéo có khả năng cứu vớt tai ách.

Hỏi:

- Nay Đức Thế Tôn ở đâu?

Đáp:

- Ở gần Kỳ Hoàn. Có thể đến thưa thỉnh.

Tức theo ánh sáng mà đến chỗ Phật, đến nơi đâu, mặt lễ sát chân Phật. Phật dựa vào bốn tâm để giảng nói diệu pháp, tức thì tâm mở mang, lậu tận, kiết dứt hết. Do nhân duyên này, Tỳ-kheo Thiện Thắng, quán xét điều xấu ác phơi bày là Câu-luật-đà.

Ưu Lưu Tỳ Ca-diếp, sở dĩ gọi là thứ nhất, là vì từ đời trước đến nay, anh em có ba người, thường có ngàn đệ tử theo nhau, nay gặp Phật Thích Ca Văn ra đời, Phật dùng mười tám pháp biến đổi, độ cho ngàn người của Ca-diếp, chúng của Phật được thành, bốn sự cúng dường cũng từ đây mà hưng thịnh. Do đây mới nói Ưu Lưu Tỳ Ca-diếp có khả năng bảo vệ Thánh chúng, cúng dường là Câu-luật-đà.

Giang Ca-diếp, sở dĩ gọi là thứ nhất, vì khi Phật thuyết pháp, đều nhất tâm nghe nhận, nghĩa lý tinh túy vào sâu trong thần thức, các kiết tiêu tận, bên trong đầy đủ thật đức, thấu đến xương tủy, khiến tủy mỡ hiện ra ngoài, hình trạng giống như mỡ hôi. Do đây mới nói là tâm ý lắng yên, có khả năng hàng phục các kiết, nên gọi là Câu-luật-đà.

Tỳ-kheo Mã Sư theo Phật thọ học, vừa trải qua bảy ngày, đã gồm đủ oai nghi, vào thành Tỳ Xá Ly khát thực. Khi đến trước cổng thành, từ xa, Ưu-ba-đề-xá thoáng thấy Mã Sư, oai nghi đĩnh đạc, pháp phục chỉnh tề, trong lòng hết sức vui vẻ, gặp nhau, liền hỏi:

Hỏi: - Ông là ai?

Đáp: - Tôi là Sa-môn.

Hỏi: Ông tự mình biết hay là có Tông sư?

Đáp: Có thầy.

Hỏi: Thầy là ai? Thuyết pháp như thế nào?

Đáp: Thầy tôi danh hiệu Thích Ca Văn, là Trời trong các cõi Trời, là bậc chí tôn trong ba cõi. Lời dạy bảo của ngài là dùng “không”, “vô vi” làm chủ, vì dứt tâm, đạt bốn, nên hiệu là Sa-môn.

Ưu-ba-đề-xá nghe diệu ngữ này, liền đạt được dấu ấn Đạo (Tu-đà-hoàn). Đồng học của Đề-xá, hai người xưa có lời thề ước: Người nào được cam lộ trước, người đó phải báo cho biết; do đó Đề-xá liền từ già Mã Sư, tới chỗ Câu-luật-đà. Thấy Đề-xá đến với vẻ mặt khác thường,

ngờ là đã được cam lộ, bèn hỏi:

- Ông đã được cam lộ ư ?

Đáp: - Đã được.

- Vậy, cam lộ ra sao?

- Cam lộ, nghĩa là đã hiểu rõ các pháp là không là vô vi. Câu-luật-đà liền suy nghĩ và đạt được dấu ấn Đạo.

Sở dĩ Mã Sư đạt oai nghi bậc nhất, là vì đời trước đã từng làm khỉ vượn trong năm trăm năm. Nay được làm người, tánh cũng còn vội vã, quấy nhiễu. Xuất gia bảy ngày, tức thì đổi thay ngay dấu vết cũ. Học dù đầu tiên còn nông cạn, nhưng khéo tuyên nói giáo pháp, khiến cho người xem thấy được dung mạo vui vẻ, mà thông đạt giáo nghĩa, vì do oai nghi khiến cho cảm ngộ, nên gọi là Câu-luật-đà.

Thân tử sở dĩ xưng là trí huệ thứ nhất, là vì đức Thế Tôn có nói: “Muốn biết Thân Tử là người có trí huệ ít hay nhiều, thì hãy dùng núi Tu-di làm nghiên, lấy nước nơi bốn biển lớn làm mực để viết, lấy gỗ tre trong bốn cõi thiên hạ làm bút, người đều đầy tràn làm, thầy dạy chữ muốn chép trí huệ của Thân Tử hãy còn không thể chép hết, huống chi là hạng phàm phu năm thông mà có thể lường tính được ư ? Vì thế, nên gọi là trí huệ Câu-luật-đà”.

Mục-kiên-liên sở dĩ gọi thần túc Câu-luật-đà, là vì Đức Thế Tôn cũng thuyết minh có chứng cứ: “Ngày xưa, vào thời kỳ ba tai họa lưu hành, dân chúng bị đói khổ, Tôn giả Mục-kiên-liên tâm niệm: “Lớp dưới của đất nầy đã cũ, vì có nhiều ngày, lớp đất phì nhiêu, màu mỡ ở giữa. Nay, dân chúng đói khổ, muốn lật trái lớp đất nầy để lấy lớp đất dưới phì nhiêu, hầu cung cấp cho sự sống của dân chúng”. Nghĩ như thế xong, bạch Phật: “Nay con muốn dùng bốn thần túc, lật trái mặt đất, lấy lớp đất phì nhiêu, để đem lại sự sống cho người dân, như thế có thể được chăng? Đức Phật nói:

- Thôi đi Mục Liên! Thần túc của ông, tuy có năng lực lật lớp đất nầy là không khó, nhưng chúng sinh ở trong đấy đâu có thể dùng một tay nắm bắt côn trùng, một tay lật mặt đất. Phật nói không thể. Vì sao thế? Vì Tỳ-kheo của những đời sau, phần nhiều không có thần túc. Giả như đời vị lai, khi có nạn đói lan tràn, quốc vương, quan, dân ra lệnh cho Sa-môn cuộc lật đất lên, nếu không làm được, thì chẳng phải là Sa-môn. Vì lấy thần túc nầy để chứng minh, nên gọi Mục Liên là Câu-luật-đà.

Tỳ-kheo Nhi Thập Úc Nhĩ sở dĩ xưng là khổ hạnh thứ nhất, vì thuở trước, ở nước Chiêm Ba có vị đại trưởng giả, sinh một đứa con đoạn

nghiêm, đẹp đẽ, dưới bàn chân mọc ra sợi lông dài khoảng bốn tấc, vì chưa từng bước xuống đất, nên phía dưới bàn chân mọc lông.

Xưa, thời Phật Ca-diếp, làm đại trưởng giả, có của báu vô tận, vì chúng Tăng xây cất tinh xá, giảng đường xong, dùng thảm lông cừ trắng trải dưới đất, để chúng Tăng giẫm đạp lên. Do nhân duyên này, nên được sợi lông mọc ra dưới bàn chân.

Sở dĩ có tên Nhi Thập Ưc Nhĩ là vì lúc sinh, tự nhiên trong lỗ tai sinh ra ngọc báu, trị giá hai mươi ức, tức dùng điều ấy làm tên gọi.

Bấy giờ, vua Bình Sa nghe chuyện lạ kỳ ấy, muốn được thấy tận mắt, nên hạ lệnh khiến người đó đến. Tính dặm đường, phải mất mười lăm ngày đi xe mới tới. Sắp xuống xe, liền cho trải thảm lông cừ trên đất, sau mới đi trên đấy.

Nhi Thập Ưc Nhĩ đã đến chỗ vua, vua bảo ngồi. Sau khi hỏi qua sức khỏe xong, nghe đồn người ấy có thể đánh đàn cầm, tức thì vua lệnh cho chơi đàn cầm. Vui vẻ với nhau xong, cùng đi đến chỗ Phật. Bấy giờ, đức Phật đang thuyết giảng rộng rãi diệu pháp cho đại chúng. Người ấy trông thấy Phật, hoan hỷ, đầu mặt lễ sát chân Phật, Phật cho phép ngồi, nghe pháp, lòng hết sức vui vẻ, cầu xin xuất gia, liền cho làm Sa-môn.

Sa-môn này rất tinh tấn, dững mãnh kinh hành không trễ nãi. Vì da thịt mềm mại, nên dưới bàn chân bị rách nát, chỗ kinh hành máu tụ thành bùn đất. Rất lâu mà lậu chưa dứt trừ. Quá mệt mỏi và thấy có phần trễ nãi, nên tâm ông ta nảy sinh ý định muốn trở lại thế tục: “Nhà ta của tiền dôi dào tự ý tiêu dùng, rộng làm việc phước đức, cũng tránh khỏi được ba cõi ác. Đức Phật biết ý nghĩ của Sa-môn, nên hốt nhiên, ở trước mặt Tỳ-kheo, từ dưới đất, vọt lên, hỏi:

- Ông vốn biết đánh đàn cầm, nếu mọi dây đàn căng thì có trở thành khúc nhạc hay không?.

Đáp: - Không thành!

- Nếu mọi dây đàn đều chùng, thì có thành không?.

Đáp: - Không thành! Bạch Thế Tôn!

- Nếu thong thả, không gấp, thì dây đàn và cây đàn sẽ tương ứng, có thành âm thanh hay đẹp không?.

Đáp: - Bạch Thế Tôn, được thành!

Phật nói: - “Việc tu hành cũng như thế. Không gấp vội, không quá thong thả, trung bình, thích hợp, điều hòa thì mới có thể thành đạo”.

Tỳ-kheo suy nghĩ lời Phật nói, tâm mở ra sáng suốt, ý thông tỏ, bèn thành A-la-hán. Do nhân duyên này, nên gọi là khổ hạnh Câu-luật-đà.

A-na-luật sở dĩ gọi thiên nhãn Câu-luật-đà, là vì trong khi Đức

Phật vì đại hội thuyết pháp, thì A-na-luật ngủ ngồi trên tòa. Đức Phật thấy A-na-luật ngủ, bèn nói:

- “Nay Như Lai thuyết pháp, vì lẽ gì ông lại ngủ? Hễ ngủ thì tâm ý bế tắc, đâu có khác gì người chết?”.

A-na-luật cảm thấy hổ thẹn, khắc ghi vào tâm và tự phát lời thệ: “Từ nay về sau, không dám ngủ nữa!”. Vì không ngủ quá lâu, nên đôi mắt phải mất đi ánh sáng. Vì sao? Vì thông thường trong sáu cái ăn, mắt có hai cái:

1. Nhìn sắc
2. Ngủ nghỉ

Năm tình (căn) mỗi cái cũng đều có hai cái ăn: Người được ăn, sáu căn đều trọn vẹn. Vì do mắt mất ngủ, mất ăn, nên mất đi nhãn căn. Phật sai Kỳ Vực chữa trị cho A-na-luật. Kỳ Vực nói:

- Không ngủ thì không thể chữa trị. Đã mất nhục nhãn thì không có cách gì nhìn thấy lại.

Năm trăm đệ tử của A-na-luật đều phân tán bỏ đi. Người giúp việc xỏ kim, giặt giũ, may vá y cũng bỏ đi. Chỉ hết, lại xỏ kim, không người có thể nhờ cậy, giúp đỡ, ông la lớn: “Ai là người muốn cầu phước, hãy xỏ kim giùm cho tôi!”. Bỗng nhiên, Đức Thế Tôn bước đến trước mặt Na-luật, lấy kim chỉ rồi nói:

- “Có ta xỏ kim cho ông”.

Hỏi: Là ai?.

Đáp: “Ta là Phật”. Na-luật nói:

- Đức Phật đã có đủ phước, sao còn muốn cầu phước?.

Phật đáp: - Phước đức có thêm là nhằm chán ư?

A-na-luật ngẫm nghĩ:

- “Phật còn cầu phước, huống chi là với phàm phu?”.

Cảm kích trong tâm, một lòng hướng về Phật, nhìn thật kỹ. Vì tâm chí thành, nên bỗng nhiên được thiên nhãn. Do được thiên nhãn, nên A-na-luật suy nghĩ trở lại, liền đắc A-la-hán. Thông thường La Hán đều có ba nhãn: Nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn. A-na-luật đúng là chỉ có hai nhãn: Tuệ nhãn, Thiên nhãn. Cho ba nhãn cùng nhìn là loạn nhãn nhục và thiên nhãn tranh công. Vì quan sát thô tế lẫn lộn, nên gọi là loạn. Na-luật tập trung sử dụng thiên nhãn, quán sát đại thiên thế giới, tinh hay thô đều ngắm nhìn trong hình chất riêng biệt, có thức, vô thức, đều biết rất rõ ràng.

Chỗ thấy của trời, người, có tịnh, bất tịnh, người quán tịnh cùng cực, thấy các thứ có hình loại trong thế giới vô thức, hữu thức, thấy đều

lay động, nghi cho là trùng mà không phải trùng”.

Người quán bất tịnh, thấy hột cơm động đậy đều cho là trùng. Sự hơn, kém khác nhau do từ đấy mà có. Vì vậy, nói là thiên nhãn Câu-luật-đà.

Tỳ-kheo Ly Việt ngồi thiền, nhập định, sở dĩ gọi Câu-luật-đà, là vì:

Xưa, vua Ba Tư Nặc ra lệnh thỉnh Tỳ-kheo Ly Việt đang ngồi thiền ở dưới một tàn cây vào cung dự bữa ăn. Trải qua sáu năm, không giao tiếp với người nào, chính vì muốn di chuyển đến nơi cây khác, nhưng thân cây không cho. Lấy gì làm chứng?

Vì khi sắp dời đổi chỗ ở, thì thân cây rải hoa cúng dường, lấy đấy làm chứng, biết là thân cây kia không cho.

Lấy gì để biết ý thân cây kia, không nghĩ đến người khác?

Lúc ấy, Câu Hi La đến chỗ Tỳ-kheo Ly Việt, nói: Sao không ngồi dưới tàn cây xanh tốt, ngồi ở tàn cây khô này làm gì?

Đáp: Gọi là bậc nhân, thì bốn biện tài là thứ nhất, có khả năng phân biệt nghĩa pháp, kể cả sự ứng từ. Không thẩm tra, phân biệt cây khô là ở trong biện nào? Tôi đã tự ngồi ở đây ngót sáu năm về trước, đâu có phân biệt tươi, khô. Nhân giả mới đến mà đã phân biệt rồi sao?

Tỳ-kheo Ly Việt được nhà vua thỉnh vào cung, ngày ngày cúng dường, khiến các phu nhơn đều tự phải ngay thẳng. Sáu năm do bố thí phân phát đầy đủ, thời gian ấy chẳng cần biết danh tánh thí chủ. Vua nói: “Sáu năm thọ thỉnh mà không biết tên người, thí chủ sao phải như định như thế?”

Đáp: “Tôi ngồi dưới tàng cây, còn không biết cây khô, cây sống, huống chi là nhận thức danh tánh người nào? Phước cúng dường thiền, công đức ấy đạt được chí thuần, thì tùy thuận theo sở nguyện của vua, và có thể tiến đến Niết-bàn. Là ruộng phước tốt, nên gọi là ưa vui thiền Câu-luật-đà”.

Tỳ-kheo Tha La Bà Ma, khuyên tuân theo cách thức thí, lập trai giáng. Phật giao tăng sự cho Tỳ-kheo, này phân công thích nghi trong bộ chúng. Nn nào cần Khế kinh thì giao Khế kinh, cần Tỳ-ni thì giao Tỳ-ni, cần đại pháp thì giao đại pháp, cần ngồi thiền thì giao ngồi thiền, cần tòa cao thì giao tòa cao ; người nào cần khát thực thì giao khát thực, cần giáo hóa thì giáo hóa, tùy từng việc, từng phần mà đều tùy thuận.

Nếu có đàn việt đến thỉnh, thì theo thứ tự mà sai đi, bất luận cao thấp. Nếu có thỉnh riêng, thì không có thể lệ này.

Bấy giờ, đàn việt thỉnh hết, nhóm Lục quần Tỳ-kheo cũng theo

thứ lớp, nhưng gặp nhà nghèo, ôm hận trở lại, hướng về Đức Phật, oán trách: “Ma La thấy rõ là đã lừa dối, tự mình tiếp nhận chỗ tốt, đem nhà nghèo phân phát, như vậy là bình đẳng sao?”. Phật hỏi Ma La:

- Ông có thật sự như thế không?.

Đáp: - Không, bạch Thế Tôn!

Thế là đến giờ, Ma La không có ăn, giờ Ngọ sắp trôi qua, bèn dùng phân bò hòa với nước uống để đung trai. Nghe nhóm Lục quần nói, Ma La không có lý do để tự biện minh, liền đến trước Phật, mưa ra nước phân này. Lục quần hổ thẹn, hai người cảm kích khiến kết Lộ tận, hai người trở lại làm bạch y, hai người thì từ lỗ chân lông trên mặt chảy ra máu sôi, mạng chung, đọa ngục A Tỳ.

Trai giảng: Chúng bộ tập hợp cả lại, để thọ trai, tập học chung; vì khéo có khả năng khuyến thỉnh thành tựu, nên gọi là bậc nhất.

Tiểu Đà-la-bà là chủ xây dựng phòng nhà cho tăng bốn phương. Công sức của họ được thành tựu chung, nên không gọi riêng.

Tỳ-kheo Lại Trá-bà-la, sở dĩ được gọi hào quý, là vì thuộc dòng dõi vua, là người thông tuệ hiểu rộng, ít ưa theo đuổi việc học. Nghe Phật xuất thế, khai hóa những kẻ ngu si mê tối, liền đến Tinh xá Kỳ Hoàn, nghe thâm nhập lời pháp, nghe lời dạy mà nhập thần, suy nghĩ rồi muốn xuất gia, quay về thưa với cha mẹ, cha mẹ không cho. Tâm tự suy nghĩ: “Tất cả chúng sinh đều là cha mẹ mình, há riêng chỉ hai người là cha mẹ hay sao?”. Nghĩ như thế xong, bèn đến chỗ Phật, xin được làm Sa-môn. Phật hỏi:

- Cha mẹ ông có cho phép hay không?

Bà La bạch:

- Không cho! Bạch Thế Tôn.

Anh của ông ấy là quốc vương. Bà La lại đều tâu vua, xin cầu đạo, Vua cũng không cho bèn suy nghĩ phải bày phương tiện để xuất gia vì đạo. Chính vì cha mẹ chỉ có một con, nên không muốn lìa xa nửa bước!

Trong khoảng thời gian cần thiết này, Bà La chỉ xin một mình được ngồi trên chiếc giường hẹp, dài trước cha mẹ, không uống, không ăn. Trải qua sáu ngày, cha mẹ hoảng sợ, vì e con mình sẽ chết mất. Nếu đứa con này chết đi thì còn ai thay thế nó? Bà la thưa cha mẹ xin cho con một yêu cầu: “Nay, xin cha mẹ cho con vì đạo, con sẽ thường xuyên trở về nhà thăm.

Cha mẹ đã đồng ý, Bà La liền đến chỗ Phật. Đức Phật hỏi:

- Cha mẹ đã cho ông xuất gia rồi ư?.

- Dạ đã cho, bạch Thế Tôn!

Phật bèn dạy:

- “Thiện lai Tỳ-kheo! Ngài dùng tay xoa đầu Bà La, râu tóc tự rụng, sạch như mới cạo được bảy ngày, ca sa đắp vào thân, trở thành Sa môn. Phật thuyết giảng bốn đế, Bà la nghe pháp chứng đắc La Hán”.

Do yêu cầu từ trước, nên Bà La được trở về nhà, đắp y, bưng bình bát đứng trước cổng. Lúc ấy, người giúp việc đem thức ăn ra cúng dường. Bà La giở nắp bát xin nước uống, sắp đổ nước vào, người giúp việc ngẩng đầu lên nhìn, biết là đại gia, bèn vào thưa: “Công tử đang ở bên ngoài. Cha, mẹ nghe nói đều mừng vui chính xác là người con cha mẹ đã đồng ý cho làm người Hiền, liền bước ra đón vào nhà, cùng lo sửa soạn các thức ăn ngon”.

Bà La thưa: “Ngày giờ đã qua, đúng pháp nên con không ăn”. Cha mẹ nói:

- Ngày nay đã như thế, ngày mai con hãy đến sớm!

Bà La vội trở lại chỗ đã nghỉ.

Sau khi Bà La trở về, ở nhà cha mẹ căn dặn các phụ nữ hãy nhớ: “Ngày mai con ta sẽ đến, các người phải tự trang điểm, ăn mặc cho thật đẹp, khả dĩ khiến con ta trở lại làm bạch y, đó là điều tốt nhất cho các người”. Lại lệnh cho quan lại giữ kho báu xuất các ngọc báu, vàng, bạc, mỗi thứ đều để từng nhóm riêng, với ý mong muốn con sẽ bị xao động, để rồi nhiễm tục mà trở lại gia đình.

Sáng hôm sau, đến giờ ăn, Bà La bưng bát trở lại nhà mình; đến tòa ngồi xong, các phụ nữ, kẻ hầu với dáng vẻ thù mị, hoặc rải hoa, hương; hoặc phủ y, dũ nệm cỏ, cử chỉ luôn dịu dàng khả ái.

Bà La nói:

- Các em đâu phải phiến hà khổ nhọc như vậy!

Các phụ nữ có cảm nghĩ:

- “Giữ lấy chúng em làm em gái, sẽ không có lý để trở lại làm Sa môn”.

Bà La nói với cha mẹ:

- Cha mẹ dùng vật báu này làm gì? Những thứ ấy chỉ mê hoặc con người chúng sẽ gây ra nhiều tai họa, sao không vứt chúng xuống đầm lầy, dưới chân núi cho rồi!?

Cha mẹ can gián:

- Đạo đức ở tâm, đâu cần phải xuất gia. Trưởng giả Chát Đa, cũng tại gia mà đắc đạo!

Bà La nói:

- Thừa cha mẹ! Con chưa nghe người tại gia nào mà được dứt hết các lậu. Trưởng giả Chất Đa đắc đạo, vẫn còn có phần của một đời còn lại, đâu đủ là cao quý? Dù là dòng dõi hào tộc, cành vàng lá ngọc, nhưng đều vứt bỏ để đi xuất gia. Cho nên gọi Ngài là xuất gia bậc nhất.

Tôn giả Ca Chiên Diên, sở dĩ được xưng là người giỏi phân biệt nghĩa, là vì sắp nêu bày giáo pháp, trong tâm Tôn giả thường suy nghĩ: “Nhơn gian luôn ôn tạp, huyền não như thế thì, tư duy tinh tấn sẽ không chuyên nhứt, nên phải ẩn nấu trong vùng tĩnh bả y ngày để, soạn tập đại pháp, xong rồi đệ trình lên Phật. Phật khen:

- Lành thay!

Thánh đã chấp thuận dùng làm một tạng, nghĩa này vi diệu, hàng phục được ngoại đạo. Cho nên gọi Ngài là giỏi phân biệt bậc nhất.

Lại nữa, gọi là thứ nhất, vì đức Thế Tôn đến nước Thích Sí, ngồi bên một cội cây, tay cầm cây gậy. Dòng họ Thích đều đến xem Phật, có người nói:

- Trước đây đã từng lia bỏ con gái tôi, vốn rất xinh đẹp hơn hết. Ý hiện nay ra sao?.

Đáp: “Về ý, nghĩa là không vương mắc thế gian, không nhiễm nơi đời”.

Phạm chí nói: “Lành thay! Nhận hiểu, rồi lại bỏ đi!”

Về sau, các Tỳ-kheo không hiểu lời nói này, hỏi Tôn giả Ca Chiên Diên: Phật khen Nhân giả là biện tài, phân tích lý, hiểu nghĩa bậc nhất, vậy Đức Thế Tôn trả lời: Phạm chí không nhiễm, không vương mắc, nghĩa ấy thế nào?.

Bấy giờ, Tôn giả Ca Chiên Diên liền giải thích: Tỳ-kheo nên biết: Mất duyên sắc khởi thọ, duyên thọ khởi tưởng, duyên tưởng qua lại; sinh Thức phân biệt, khởi tâm vương mắc. Đối với sự vương mắc Phật đã vĩnh viễn lia bỏ. Các Tỳ-kheo nghe nói lời nói này, ý cảm thấy khoan khoái.

Tôn giả Ca Chiên Diên quán sát ý của các Tỳ-kheo, biết không hiểu rõ, liền dẫn dụ: “Có người đối với vấn đề này, muốn cầu vật bền chắc, mà lại bỏ gốc rễ, lấy cành lá, thử hỏi có được vững chắc không?”.

Đáp: - Không được.

Các ông v.v.. cũng như vậy. Đức Phật ở gần nơi đây mà lại chẳng thấy nghe, há không phải là bỏ gốc, lấy ngọn đó sao?.

Các Tỳ-kheo liền đến thưa hỏi Phật: “Điều Tôn giả Ca Chiên Diên đã giải thích, mà không xét kỹ về lý, như thế có đúng không?”.

Phật đáp:

- Như pháp Ca Chiên Diên đã giảng nói, là như nhau, không có khác.

Do nhân duyên này nên gọi Ngài là hiểu nghĩa.

Quân Đầu Ba Thán sở dĩ gọi hành trì (người phát thể) Câu-luật-đà, là vì thông thường, người phát thể phải ghi chép số người để biết là có thành thật hay không? Nếu thành thật thì sẽ nhận lãnh phước. Người tiếp nhận giả dối thì tội chồng chất ngày càng lớn.

Hán gọi là Trù (thể), Thiên trúc gọi là Xá La. Xá La cũng gọi là hoại tận: Có phước thì tội tận, có tội thì phước tận.

Do đâu mà biết được như thế?.

Xưa, con gái của A-nan Bân Kỳ, ở nước Ni-kiền là họ ngoại hỏi Phật:

- Có thể như thế để gặp Phật không?

Đức Phật bảo:

- Nên biết đến đúng lúc, tất nhiên có ích.

Cô gái đã đến, từ xa thỉnh đức Thế Tôn. Phật biết ý cô gái, liền mặc nhiên thọ thỉnh, bảo Tôn giả A-nan:

- Ngày mai sẽ thọ thỉnh của Thích Ma Nam. Tôn giả A-nan bèn đánh kiền chùy tập họp chúng vận hành thần thông. Khi đưa thể, Thượng tọa, Quân Đầu Ba Thán chưa được thần thông. Nghe người phát thể thỉnh, tự thẹn mình thấp kém chưa được thần thông, nhìn lại mình đứng đầu trong chúng chỉ là hình bóng, do bởi tuổi già như con chồn hoang ở núi Tử Kim (vàng tía). Suy đi nghĩ lại nữa muốn nhận thể không theo thông lệ, nửa muốn không nhận cương vị Thượng tọa. Lại nghĩ Sa di tám tuổi hãy còn được thần thông, hướng chi là công sức bỏ ra nhiều năm mà không đạt được gì, tính kể chỉ như thế, thì tồn tại làm gì! Trong lúc tình cảm giằng co giữa nhận thể hay trao lại thì bỗng nhiên Lậu tận. Nếu giả dối để nhận lãnh thể, thì thân người có chín mươi vạn lỗ chân lông, lấy đây làm số, tức số thân người như vậy cũng không được tiếp nhận. Nếu là người chân thành tiếp nhận thể thì có thể chứng được Lậu tận. Lấy việc Thượng tọa này, có thể minh chứng. Vả lại, sở dĩ làm Thượng tọa, là vì thường giỏi thuyết pháp thích hợp với mọi người, và được chúng đề cử làm Thượng tọa. Do nhân duyên này, nên gọi là Thượng tọa tiếp nhận thể Câu-luật-đà.

Sở dĩ gọi Tân Đầu Lô có khả năng hàng phục ngoại đạo, là vì:

Xưa, trong thành Tỳ-xá-ly có Trưởng giả Chất Đa, thường gặp phải tình huống Lục sư ngoại đạo cao ngạo tự đại, nói:

- Sa Môn Cù Đàm tự xưng là tôn quý, ta sẽ so tài với ông ấy. Nếu

ông ta hiện một, ta sẽ hiện hai. Cứ như thế, chuyển biến gấp bội đến ba mươi hai.

Bấy giờ, Trưởng giả thỉnh khắp chư tăng trong, ngoài cúng dường, xong, bèn dựng một trụ cờ lớn, cao bốn trượng chín thước, đặt chiếc bát Chiên Đàn ở trên, rồi xưng: “Ai có thể đưa tay lấy chiếc bát này thì người ấy sẽ được tôn là đệ nhất!”.

Khi ấy, Tân Đầu Lô, trong lòng tự nghĩ: “Nay ta nên thể hiện thần túc, để cho lục sư ngoại đạo v.v. đều mặc nhiên hàng phục. Rồi lại nghĩ: “Đức Thế Tôn thường khuyên các đệ tử không được hiện bày thần túc. Nếu hôm nay ta không thể hiện thì sợ họ sẽ vĩnh viễn đắc tội, còn nếu như ta hiện, thì sợ trái với lời giáo huấn của Đức Thế Tôn. Chần chừ, đắn đo mãi không thôi, bèn hiện thần túc, duỗi tay lấy chiếc bát chiên đàn ấy, rồi bay lên hư không, đi nhiễu quanh thành bảy vòng, đoạn trở xuống, ngồi trên tòa, nói với các Phạm chí:

- “Các ông lại hiện thành hai đi!”. Lục sư yên lặng. Lúc đó, Đại quỷ tướng quân tên là Bán Sư nói với Lục sư: “Mu hiện thành hai đi ! ». Bấy giờ, Lục sư và đệ tử chẳng biết bát ở đâu mà nhặt về để hiện. Do đấy, nói Tân Đầu Lô hàng phục ngoại đạo thuộc Câu-luật-đà là vậy.

Sở dĩ gọi Tỳ-kheo chăm sóc xem bệnh là bậc nhất, là vì:

Lúc ấy, ở Tinh-xá Kỳ-đà, có một Tỳ-kheo bệnh nặng, khốn khổ, nằm liệt lâu ngày trên giường trùng bò ra dưới xương sống, rên rỉ suốt ngày. Đức Phật và các Tỳ-kheo đi xem xét khắp phòng nhà, thấy Tỳ-kheo này bị bệnh nặng khốn khổ như thế, mới hỏi:

- Có người nào chăm sóc ông không?

Tỳ-kheo đáp:

- Không, bạch Thế Tôn!

Phật nói:

- Trước kia ông đã từng chăm sóc người khác bệnh không?

Đáp:

- Không.

Lại hỏi:

- Ông không chăm sóc người khác bệnh, làm sao trông mong người khác chăm sóc bệnh cho ông?

Nói rồi Như Lai vén y Tăng Già Lê, tự tay xoa nơi thân người bệnh, gột rửa cho Tỳ-kheo. Khi đó, Trời Đế-thích cũng hiện đến trợ giúp Đức Thế Tôn chăm sóc bệnh nhơn. Tỳ-kheo bị bệnh ấy nhờ ơn đức của Thế Tôn, tức thì được lành hẳn.

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Kể từ nay về sau, nếu ai có bệnh, đại

chúng phải săn sóc cho nhau’.

Đức Thế Tôn còn chiếu cố, nói thêm: “Này các Tỳ-kheo! Ai có khả năng biết xem coi người bệnh? Chỉ có Tỳ-kheo Sấm mà thôi. Tỳ-kheo Sấm thường dùng năm sự để người bệnh. Năm sự đó là:

1. Phân biệt thuốc hay.
2. Không hề lười biếng, dậy trước, ngủ sau.
3. Luôn nói năng vui vẻ, rất ít ngủ nghỉ.
4. Dùng pháp cúng dường, không tham ăn uống.
5. Lãnh trách nhiệm cho bệnh nhân và nói pháp.

Đây là năm pháp mà Tỳ-kheo Sấm đã sử dụng để chăm sóc người bệnh mà chưa từng có ai không lành bệnh. Vì sao? Vì Tỳ-kheo này chính là người nơi các đời trước, đã từng trải qua năm trăm đời, làm Thầy thuốc khéo hiểu biết tường tận các phương thuốc. Nghe tiếng nói, xem xét sắc mặt là biết căn nguyên bệnh, đồng thời dùng bốn sự để chăm sóc người bệnh.

Do nhân duyên này, nên gọi Tỳ-kheo Sấm chăm sóc bệnh Câu-luật-đà.

Sở dĩ gọi Tỳ-kheo Bằng Kỳ Xa có khả năng tạo ra kệ tụng, là vì Tỳ-kheo này, lúc trước làm con của Trưởng giả, là người thiên ai bẩm sinh, thông minh, xúc cảnh xuất liền tán tụng (thơ ca).

Lúc ấy, con của Trưởng giả ra ngoài đi dạo, gặp một cô gái thuộc gia đình có tài nghệ, hình dung đoan chính, hiếm có ở trong đời. Vừa ngắm nhìn, lòng cảm thấy hơn hở, bèn muốn cưới làm vợ.

Về nhà, thưa với cha mẹ về chuyện mình đã gặp cô gái ấy, và xin song thân đem sính lễ, hỏi cưới cho mình được chăng?.

Cha mẹ không hài lòng, vì dòng họ của con làm sao sửa đổi việc giá thú, hủy hoại phong tục của tiên nơn! Người con ý quyết mãnh liệt, lại thưa:

- Nếu cha mẹ không vì con mà cưới nàng, thì con không thể nào sống trên cõi đời này!

Thấy con nói như vậy, cha mẹ không nhẫn tâm quở mắng, ngăn cấm, bèn nói: “Thôi được, tùy ở con, đó không phải là điều cha mẹ mong muốn. Tức thì sai người đến đàng gái bày tỏ việc xin hỏi cưới cho con.

Nhà gái nói:

- Gia nữ là dòng giống tài nghệ, chỉ lấy tài nghệ làm đầu, bèn đáp lời sứ giả:

- Không tham của cải của ông, chỉ cần có đầy đủ tài nghệ, ấy là

chỗ trao gửi cho nhau.

Bằng Kỳ Xa nghe qua, liền đến những vị thợ có tài nghệ để học về các kỹ năng. Không đầy vài tuần, mọi kỹ năng, tài nghệ đều lãnh hội đủ. Lại sai người đưa tin: việc học tài nghệ đã mãn, vậy có thể gặp gỡ được chưa?

Chủ nhơn đáp:

- Nếu người hội đủ tài nghệ, thì phải đến chỗ vua để khảo thí. Bấy giờ là tiết tháng giêng, nhà vua ra lệnh tập họp mọi người có tài nghệ khắp mọi nơi đến để thí. Nếu người nào hơn hết, sẽ được vua ban cho ngàn lượng vàng. Nhà vua cũng nghe việc thí có liên hệ với người nữ xinh đẹp, nên muốn thu nạp về trong cung cho mình.

Pháp tử thí về tài nghệ: dựa vào trụ cao làm chuẩn: Trụ được dựng đứng, cao bốn trượng chín thước, phía dưới đặt đầy gươm đao, mũi nhọn đều hướng lên trên khoảng cách chỉ đủ chân đi. Bấy giờ Bằng Kỳ xa dựa theo trụ nhảy vọt lên hư không xoay quanh bảy vòng, rồi nhào xuống trên khoảng đất trống.

Nhà vua sợ mất cô gái, giả vờ nói không nhìn thấy. Mọi người đều nói giỏi. Vua thì nói: “Trẫm không thấy!”, vì nếu xác nhận là giỏi, thì phải nhận Bằng Kỳ tháng.

Bằng Kỳ suy nghĩ: “Nếu không thuận theo lời của vua, tất nhiên sẽ mất cô gái kia, vì quy định quả nhất mới được tính. Bằng Kỳ bèn liều chết, leo lên đầu trụ, ngoái nhìn tận mặt cô gái, trong lòng tự nghĩ: “Sao người ấy điềm nhiên tọa thị nhìn mình nguy khốn, thậm chí lòng sợ sệt, hình run rẩy, khó bảo toàn tánh mạng. Người con gái giả dối kia, lấy làm gì? Run rẩy, e không tự bảo toàn!”.

Đức Phật biết người này chắc chắn có thể cứu độ. Nếu không cứu, người ấy sẽ bị đọa nơi ba đường dữ, Phật liền bảo Tôn giả Mục Liên:

- Ông hãy dùng thần túc, để cứu giúp người kia đang bị nguy ách! Mục Liên vâng lời Phật dạy, tức thì biến hiện đến chỗ cây trụ, ngồi kiết già giữa hư không, lại hiện ra bậc thang bảy báu ở phía dưới cây trụ, người khác không trông thấy, chỉ riêng Bằng Kỳ được thấy, nên từ từ xoay bảy vòng trong thêm thang rồi xuống. Thần lực đã được giao tiếp bình an, trong ngoài hết nguy hiểm.

Vua và mọi người rất lấy làm lạ. Vua tự tay dẫn người con gái đẹp đến giao cho Bằng Kỳ.

Bằng Kỳ nói: “Tôi không dùng vật xảo trá, hư giả này. Nó lừa dối mê hoặc người đời, tạo sự lầm lạc cho người thanh tịnh chơn chánh, khiến nước mất, nhà tan. Lập tức, Bằng Kỳ theo Tôn giả Mục Liên về

chỗ đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo: “Thiện lai Tỳ-kheo, (tức) thành Sa-môn”. Phật giảng nói Tứ đế, liền đạt được Ứng Chơn (A-la-hán). Bằng kỳ lòng phát khởi vui mừng, xuất thành lời kệ tụng ca ngợi Đức Thế Tôn:

*“Ngày mười lăm thanh tịnh
Năm trăm Tỳ-kheo họp
Đã đoạn các kiết, sử
Người tiên không thọ tập
Cũng như Chuyển Luân vương
Các quan vây quanh khắp
Bốn biển và đất liền.
Sử sách không
Hàng phục người như thế
Đạo sư không ai hơn
Cũng giúp các Thanh văn
Ba mình trừ tánh kiết
Tất cả con Thế Tôn
Không có bụi cấu ố
Đã diệt lưới ái dục
Nay lễ trắng trong sao”.*

Do nhân duyên này, nên gọi Bằng-kỳ-xa có thể tạo kệ tụng, ca ngợi công đức của Như Lai là Câu-luật-đà.

Sở dĩ gọi Câu-hi-la có bốn biện tài bậc nhất, là vì: Thông thường, hàng Thanh-văn bốn biện không hẳn phải đầy đủ. Hoặc có Pháp biện mà không có Nghĩa biện. Hoặc có nghĩa biện mà không có Pháp biện. Hoặc có Ứng biện mà không có Từ biện. Hoặc có Từ biện mà không có Ứng biện.

Câu Hi La đủ hết bốn biện này. Các Tôn giả Xá-lợi-phất, Ca Chiên Diên cũng có đủ bốn biện, sở dĩ không gọi là bậc nhất, vì Thân tử tự lấy trí tuệ làm chủ. Ca Chiên Diên tự dùng việc soạn tập làm chủ, nên đều không gọi là bậc nhất về bốn biện. Hoặc dù có đủ bốn biện, nhưng cũng không theo kịp Câu Hi La. Câu Hi La chỉ biện minh về ý nghĩa của một câu bảy ngày không hết, hướng chỉ là bốn biện, làm sao có thể tính kể lường xét?.

Do việc này, nên gọi là Câu-luật-đà trong bốn biện.

Sở dĩ gọi Tỳ-kheo Nan-đề khát thực Câu-luật-đà, là vì các Tỳ-kheo khác cũng khát thực, nhưng hoặc giới không đủ, hoặc có tâm tham, hoặc ngoài nhìn trái, phải, tâm không chuyên nhất, hoặc tránh xa mùa lạnh,

mùa nắng. Còn khi Tỳ-kheo ấy khát thực thì không có những việc như vậy.

Việc khát thực đã tinh tế, người thí sẽ được nhiều phước. Vì thế, nên nay dẫn dụ để so sánh cái lớn, nhỏ:

Có người hỏi về phương pháp bắn: “Một người bắn sợi lông treo lơ lửng cách trăm bước, với một người bắn bụi đất bay ra, người nào là khó?”.

Đáp: Sợi lông treo lơ lửng là khó. Vì cho dù bắn mà không rơi xuống đất, thì không thể nào nói đủ là bao nhiêu lần bắn (rất nhiều).

Nếu bố thí cho người khát thực, hoặc bố thí cho chúng Tăng, thì bố thí nào là lớn là chơn A-luyện-nhã?.

Trong dụ sợi lông treo lơ lửng thì thí không được chơn là dụ cho người bắn lên hư không. Việc ấy dù khó, nhưng có trật có trật. Mũi tên dính đất, là dụ cho việc bố thí chúng Tăng. Bắn rơi sợi lông là tinh xảo nhưng bắn trật thì nhiều. Bắn bụi đất dù dễ, nhưng chưa từng mất đất. vì chúng Tăng là ruộng phước rất dày, nên không có thêm, bớt, còn A-luyện-nhã tinh, thô, nên có được, mất. Vì Nan-đề đạt được sự tinh tế trong khát thực nên gọi là khát thực.

Sở dĩ gọi Thí La là ngồi một chỗ, ăn một bữa, đó là một hạnh Đầu đà.

Phàm nói pháp A-luyện-nhã thì hoặc khát thực, hoặc ngồi dưới gốc cây; hoặc ở chỗ thanh vắng riêng một mình. Nay ở đây nói người ngồi một chỗ, ăn một bữa, nghĩa là sáng sớm, thức dậy cho đến giữa trưa, nếu đàn việt cho thức ăn, bất luận ít nhiều, chỉ một lần ngồi ăn mà thôi. Nếu ăn chưa no, vẫn ngồi chưa đứng dậy thì có thể được ăn tiếp, còn nếu đã đứng dậy thì không được ăn nữa. Thường ăn một lần mà không lia bỏ hạnh ấy, thì Thí La là Câu-luật-đà.

Sở dĩ nói Tỳ-kheo Kim Tỳ La thường đi bảy nhà để khát thực, không được quá bảy. Vì sao thế? Vì đã lập lời thề có giới hạn là bảy. Khi khát thực, muốn chúc phước cho chúng sinh, thì phải chuyên tâm nghĩ đến đạo, không có tưởng tham. Nếu được thức ăn ngon, dở, cũng không viện cố mà thêm, bớt. Tùy thuận lần lượt khát thực, không lựa chọn nhà nghèo, giàu. Nếu mới đi một hay hai nhà mà được thức ăn, lại có người bố thí nữa, đủ rồi thì thôi, không đủ thì nhận tiếp. Nếu trong trường hợp đã đến bảy nhà mà vẫn không được thức ăn, thì sẽ trở lại Tinh xá nghỉ ngơi, suy nghĩ, hành đạo, không nghĩ là ngày mai, mình sẽ đến nhà đó hay không đến nhà đó nữa, đều không có tưởng phân biệt. Do vậy nên gọi là Sa-môn Bảy nhà. Khát thực xong, trở về Tinh xá tĩnh

tọa, buộc tâm ở đạo, nên nói Tỳ-kheo Kim Tỳ La khát thực nơi bảy nhà là Câu-luật-đà.

Tỳ-kheo kiên lao: Giữ hạnh thường xuyên ở những nơi như núi, đầm, nơi vắng vẻ, tĩnh lặng.

Tỳ-kheo Nan-đề, giữ hạnh khát thực, nhẫn nại chịu cực.

Tỳ-kheo Kim Tỳ La, giữ hạnh khát thực bảy nhà.

Thí La, giữ hạnh một lần ngồi ăn.

Trong mười hai hạnh Đầu đà, mỗi vị giữ một hạnh. Tỳ-kheo Phù-di gìn giữ ba y không rời khi ăn, khi nghỉ ngơi. Hoặc nói: “Tạo ba y, như là dùng ba lượt chuyển pháp luân”. Hoặc nói: “Vì ba đời. Hoặc nói: “Vì ba mùa nên đặt ra ba y: Mùa đông thì mặc y dày; mùa hạ thì mặc y mỏng, mùa xuân, thu mặc y vừa phải. Vì ba mùa như vậy nên phải đủ ba y. Dày thì năm điều, vừa thì bảy điều, mỏng thì mười lăm điều. Nếu là mùa rất lạnh thì mặc ba y, có thể ngăn được giá buốt. Hoặc nói: “Cũng vì muỗi, nhặng, ếch ương, nên lập ra ba y. Vì duyên cố ấy, nên thường giữ ba y không quên. Do đó nói Ngài giữ hạnh này bậc nhất”.

Sở dĩ gọi Tỳ-kheo Bà Sai, là ngôi nơi trống trải bậc nhất, vì xưa kia khi còn tại gia, thường cho nhà cửa là tai họa; khi xuất gia cầu đạo, thường ngồi ở chỗ trống trải. Nếu vào phòng nhà thương bị ngộp hơi, giống như bị miệng lại. Chính vì thế, nên Tỳ-kheo Bà Sai thường tìm nơi trống trải để ngồi, tư duy, hành đạo, nhân đó, thân thể điều hòa, hơi thở thông suốt, sáng khoái, tu hành đạo nghiệp không bị trở ngại. Do nhân duyên này, nên gọi Bà-sai là ngôi nơi chỗ trống trải bậc nhất.

Sở dĩ gọi Hồ Nghi Ly Việt, thường xuyên ở dưới gốc cây, là vì từ địa vị phạm phu muốn cầu Thiên định, tất nhiên phải ở dưới gốc cây để nương tựa thân giữ tâm ý, loại trừ kết trói buộc. Các Tỳ-kheo khác cũng ngồi thiền dưới gốc cây, nhưng không được xưng là bậc nhất, vì các Tỳ-kheo ấy không có khả năng chỉ một lần nghe thì tự chuyên nhứt tư duy, còn Tỳ-kheo này một khi được nghe lời Phật dạy, là lập tức có khả năng thực hành sự tập trung tâm ý, không bỏ. Sáu năm là dứt hết Kiết.

Trước kia, Ly Việt vui thích nhập thiền định, hành chỉ không khác, nhưng ưa tu tập sự việc có khác, nên mọi người xưng Ngài là Câu-luật-đà.

Sở dĩ gọi Tỳ-kheo Đà-đa-sách vui thích không, là vì Tỳ-kheo này vào nhà là hiểu nội không, ra khỏi nhà là hiểu ngoại không. Nội không dụ cho thức, ngoại không dụ cho thân. Vào nhà, là thấu đạt thức không, ra khỏi nhà là hiểu thân không. Đã thấu đạt trong, ngoài không, thì các pháp cũng như thế.

Tỳ-kheo này, nghe thuyết minh về giáo không thì thâm giữ ở tâm nên vào nhà là nhận thấy không, tức đạt thân thức. Tỳ-kheo khác phải dứt hết kiết, sau đó mới đạt không. Tâm khó thu giữ không, quý ở chỗ Tỳ-kheo kia đã đạt được trước, nên gọi là Câu-luật-đà.

Sở dĩ gọi Tỳ-kheo Ni-bà mặc y ngũ nạp trên hết, là vì Tỳ-kheo này quán thân thấy rõ ba mươi sáu vật đều là cấu uế, chẳng có gì đáng tham, đáng quý! Chán cái thân hèn kém này nên phải dùng vật hèn kém che thân.

Hoặc có thuyết nói: “Luận về y phục, có y người đáng gần gũi, có người không đáng gần gũi”.

Đáng gần gũi là sao?.

Mặc y phục xấu, khiến người ta xấu hổ, tự thẹn, đó là người đáng gần gũi. Mặc y phục tốt đẹp, khiến người ta tự thêu dệt cho mình là lớn, đó là người không đáng gần gũi. Mặc y phục xấu, hổ trợ hạnh, đó là mặc y Ngũ nạp. Tỳ-kheo này, vì khéo có thể so sánh tướng trong, ngoài, nên gọi là Câu-luật-đà.

Sở dĩ gọi Tỳ-kheo Ưu-đa-la thường ưa thích ở nơi chốn gò mả, vì Tỳ-kheo này là đệ tử của Tôn giả A-nan. Trước kia Thầy đắc đạo, tâm tự nhớ nghĩ: “Thân này lưu chuyển, không chỗ nào là không trải qua: Lúc ở trên cõi Trời thì ăn, mặc, sai bảo tự nhiên, nay, đều từ bỏ hết. Nếu ở trong loài người, làm Chuyển Luân Vương, bảy báu luôn theo, cũng đã qua rồi. Hoặc ở loài súc sinh, luôn ăn cỏ gai, thì đấy cũng là quá khứ. Nếu ở cõi naga quý thì lấy đồng nung chảy làm thức ăn. Hoặc ở địa ngục, thì bị đao, gươm xử trị. Các hình tội này cũng đều là quá khứ”.

“Nay được thân người, hoàn toàn đủ các phần, những gì của xưa để lại nay đều là vật cần dứt bỏ. Hình, sắc như trò ảo thuật, không có gì là đáng tham, tất cả đều sẽ từ bỏ nên dừng lại trong chốn gò mả này.

Lại suy niệm: “Chính vì có ý muốn ở nơi cội cây, trong đầm, núi, đều là nơi người dân tham thích, chỉ có ở chốn gò mả là nơi con người không ưa thích, vì nơi đây chỉ thuộc về quỷ và các loài chồn, sói, điều, qua”...

Nay, Tỳ-kheo Ưu-đa-la sẽ nhập tam muội từ, để cứu giúp các loài ấy nên ở nơi gò mả. Do nhân duyên thường ưa thích ở chốn gò mả, không thích ở trong loài người, nên được gọi là Câu-luật-đà.

Sở dĩ Tỳ-kheo Lô Hê Vinh luôn ngồi trên nệm cỏ là Câu-luật-đà, vì Tỳ-kheo này nhằm trừ bỏ tâm ái. Trừ bỏ tâm ái là sao? Cho dù giường vàng, gối ngọc đi nữa, cũng đều không có tham ái vướng chấp. Hoặc lại thuyết minh: “Nếu có người thí cho tòa ngồi tuyệt đẹp thì cũng

như thí cho tòa ngồi bằng cỏ, có gì khác! Khi tâm ái đã hết, các kiết cũng dứt, ấy là lúc tay cầm nắm cỏ hướng về đám cỏ làm lễ. Thấy cử chỉ kỳ lạ, có người hỏi”:

- Vì sao hướng về đám cỏ làm lễ?

Tỳ-kheo đáp:

- Ta nhờ đám cỏ này mà những trang sức hiển vinh trong tâm ta đã hết và đắc đạo cũng do nó, nó tức là thầy ta, nên ta hướng về đám cỏ để làm lễ.

Năm trăm khỉ vượn được sinh trên cõi Trời, cũng do dùng hoa Thiên Văn Đà La tung rải nơi tử thi cũ, vì do tử thi nên được sinh lên cõi Trời, vì thế chư Thiên mới đến rải hoa! Luận về sự sang, ắt phải dùng nghèo hèn làm gốc, vì nhân duyên này, nên gọi ngôi nơi nệm cỏ là Câu-luật-đà.

Sở dĩ khen Tỳ-kheo Ưu Kiềm Ma không nói chuyện với người, chỉ nhìn xuống đất mà đi là Câu-luật-đà, vì Tỳ-kheo này, thường lo sợ lỗi lầm ở miệng, nên mỗi khi sắp sửa đổi lời nói, trước hết phải tự suy nghĩ: chính từ nơi miệng này mà sinh trong cõi Trời, người, hoặc nơi ba đường dữ thì địa ngục có mọi thứ, rên rỉ, kêu la, gào thét nhân đủ cho năm đường, lại càng khổ đau vô lượng.

Nay ta phải như Thái tử Mộ Phách, kết lời thề không nói năng. Bốn lỗi ba tai họa do đâu mà sinh? Đã không nói thì cứ nhìn thẳng phía trước mà đi. Đức Phật cũng lấy làm lạ về khả năng ấy.

Bấy giờ, đức Phật thường hướng về các Tỳ-kheo ca ngợi đức của Kiềm Ma, nói với Tôn giả A-nan: “Như Tỳ-kheo này, nên biết mà ghi chép lại, để làm gương cho kẻ hậu học nói theo. Do nhân duyên ấy, gọi Tỳ-kheo Ưu Kiềm Ma là Câu-luật-đà”.

Sở dĩ khen Tỳ-kheo Nhứt Tâm là hành trì tam muội Câu-luật-đà, vì Tỳ-kheo này, khi xưa đã từng tập định, cứu xét từ thô, đến tế. Nay, công sức của định đã vững, nên khi hành trì như đi dạo chốn trần gian; khi ngồi thì tự quên tưởng, quên tưởng mà lý đủ. Dụ đó như thế nào? Cũng như có người ăn trăm vị thức ăn, ý do đã no đầy nên không còn tưởng về ăn. Tuy cũng đi đứng tới lui nhưng vượt ngoài cảm xúc, rồi sau mới đối đáp, mới động thể thôi. Căn cứ ở định vững vàng mà đặt tên nên nói: Ngồi, đứng dậy, bước đi vào tam muội bậc nhất.

Sở dĩ khen Đàm Ma Lưu Chi vui thích đi xa là Câu-luật-đà, vì sự ấy có nguyên do.

Lúc Phật tại thế, có một Trưởng giả, tự là Đàm Ma Lưu Chi, đi đến chỗ Phật, đánh lễ Phật và hỏi han xong, Phật nói:

- Đàm Ma Lưu Chi! Từ ngày tạm biệt đến nay đã lâu lắm, chúng ta mới được gặp lại nhau.

Có người hỏi Phật:

- Phật không xét kỹ, sao lại nói: “Tạm biệt đến nay rất lâu?” đức Thế Tôn đáp:

- Ông muốn biết điều ấy chẳng? Thưa: Muốn biết.

Phật lại nói:

- Ở A-tăng-kỳ-kiếp xa xưa, bấy giờ, có vị Phật hiệu là Định Quang, khi ấy, ta làm Phạm chí, tự là Siêu thuật.

Lúc này, Phật Định Quang vừa mới vào thành, ta liền gặp ở giữa đường. Thấy tướng hào quang của Phật rực rỡ, chiếu sáng khắp nơi, ta liền khen: “Tướng hào quang của đức Thế Tôn sáng rực, vượt hơn mặt trời, mặt trăng, uy đức của đức Thế Tôn dày hơn hai nghi. Tâm nhân từ của đức Thế Tôn, vượt quá từ mẫu, ngoài nhìn bản thân mình, không có gì để cúng dường Thế Tôn. Nay chính là thời điểm gặp ruộng phước tốt quý, có thể gieo trồng căn lành”.

Nhận thấy đất có một ít bùn, e làm nhơ chân Phật, ta liền xỏ tóc trải lên trên bùn để Phật đạp mà đi qua. Phật liền thọ ký cho ta: “Ông thật dũng mãnh, mới làm được như thế. Vào A-tăng-kỳ kiếp sau, ông sẽ làm Phật, tự là Thích Ca Văn. Lúc ấy, gần bên đường cũng có một Phạm chí, khởi tâm giận dữ, nói: “Người này với súc sinh không khác, mới đạp lên trên tóc nơi đầu người ta mà đi qua!” Từ đấy về sau, Phạm chí ấy, trong A-tăng-kỳ kiếp, thường bị đọa trong hàng súc sinh, làm cá Ma Kiệt ở biển cả, thân dài bảy ngàn do diên. Bấy giờ, có năm trăm khách buôn, chèo thuyền vào biển tìm châu báu, gặp cá lớn này, nên bị nuốt cả Thuyền và người sắp chui vào miệng cá, năm trăm người vô cùng hoảng sợ. Lúc ấy, chủ khách buôn mới nói với mọi người: “Đời nay, có Phật hiệu là Thích Ca Văn, luôn cứu giúp con người trong cơn ách nạn, hiểm nguy, không gì vượt hơn ngài. Chúng ta hãy đồng thanh xưng niệm danh hiệu Phật Thích Ca, mong nhờ được cứu thoát!” Tức thì năm trăm người đồng thanh niệm danh hiệu Phật. Cá Ma Kiệt nghe danh hiệu Phật, bỗng thức vẫn còn, liền tự nghĩ: “Phật Thích Ca Văn đã xuất hiện ở thế gian, vì lẽ gì thân ta vẫn còn ở trong loài cá?”, bèn lặn trở lại xuống nước.

Năm trăm khách buôn được yên ổn trở về. Khi đó, con cá liền nằm bày phân nửa mình trên bãi cát ven biển, không uống, không ăn, trải qua hai tuần lễ thì chết, sinh làm con của nhà Trưởng giả, tự Đàm Ma Lưu Chi, nay, mới được đến gặp ta. Đây là lý do ta gọi lâu xa.

Lưu Chi nghe Phật kể gốc ngọn của sự việc ấy, liền hướng đến ven biển để tìm tử thi cũ, thấy bên bờ biển có xương của cá lớn, da thịt đã hết, liền bước đi trên xương hông của cá, suy nghĩ: “Đây là tử thi cũ của ta”. Rồi dùng hoa rải lên trên tử thi ấy, tìm tòi, suy nghĩ những việc đã qua bỗng nhiên chứng đạo”.

Do nhân duyên này, nên gọi Ngài là bậc nhất đi xa..

Sở dĩ khen Tỳ-kheo Ca-cừ tập họp chúng thuyết pháp là Câu-luật-đà, vì âm, từ của Tỳ-kheo này trong sáng, thấu suốt, tiếng chấn động gần, xa. Người nghe âm thanh của Tỳ-kheo Ca Cừ, sẽ tập họp đông vô số, Tỳ-kheo liền vì họ diễn nói về nghiệp tốt đẹp sâu rộng của pháp. Các người phải biết, Đức Như Lai xuất thế, khó có thể gặp được, cam lộ Bốn đế cũng không dễ gì được nghe. Các người phải luôn tư duy chơn đế, nhằm trừ bỏ sự ràng buộc của mười hai thứ lỗi kéo liên tục; thì có thể đạt được Niết-bàn. Tỳ-kheo này luôn hỗ trợ Đức Phật, hoằng dương hóa độ, thường dùng âm từ này giáo hóa, chưa từng sai sót. Vì nhân duyên ấy, nên gọi Ngài là tập họp chúng thuyết pháp, với âm thanh Câu-luật-đà.

Sở dĩ khen Bà Câu La có mạng sống lâu dài, là vì từ nhiều kiếp xa xưa, Bà Câu La đã từng cúng dường sáu vạn Phật. Ở chỗ chư Phật, ông thường tu tâm từ đối với các loại sâu bọ bay nhậy, cựa động, loài có hình, có mạng, ông luôn gia tâm thương xót, không mảy may có ý tưởng sát hại. Do phước của lòng từ này, nên nay đã được quả báo tốt đẹp.

Phật bảo Tôn giả A-nan: Như ta ngày nay, da, thân thanh tịnh, không có ai vượt hơn ta, cũng như hoa sen không dính nước bùn, đang sống tuổi tám mươi, nhưng không bằng Bà Câu La thọ tới một trăm sáu mươi tuổi. Như Lai tùy thuận đời, muốn thích hợp với chúng sinh, không hiện bày chỗ dị biệt kia, nên chỉ sống tám mươi. Bà Câu La nhờ tiếp nhận phước của tâm từ ở đời trước, nên được quả báo tuổi thọ gấp bội như thế. Hoặc có người hỏi: - Chỉ do tâm từ nên được thọ mạng như thế, hay lại còn có cái gì khác nữa? Đáp: Có.

Xưa, Như Lai Tỳ Bà Thi xuất thế, bấy giờ, có mười sáu vạn tám ngàn Tỳ-kheo đang du hành, giáo hóa. Lúc đó, có Trưởng giả, ở nơi chốn sáng suốt, giữ vững lòng tu hành bảm tánh hiền lương, khiêm tốn, không thích uống rượu. Do lễ hội trong năm ít tổ chức nên khi gặp thường khuyên nhau gắng uống ít nhiều, khi ấy do sức mạnh của rượu, ông đi đến chỗ Đức Thế Tôn lễ bái, hỏi han, rồi thỉnh Phật và các đệ tử đến nhà để ông được cúng dường chín mươi ngày. Các Tỳ-kheo bệnh tật cũng đến nhà ông nhận lấy thuốc thang, cũng như những vật cần dùng

hằng ngày.

Thỉnh xong, Trưởng giả trở về thôi thúc người nhà, bảo: “Ta đã thỉnh Phật và các đệ tử đến nhà, bốn việc cúng dường đều phải sắm sửa cho đầy đủ. Ra lệnh xong, bèn đi ngủ, ngủ hồi lâu lại thức.

Vợ Trưởng giả thưa: “Mới đây, ông ra lệnh phải nghiêm túc sắm sửa phẩm vật để cúng dường mà nay, sao lại yên lặng, không thấy ông nói gì cả?”. Trưởng giả kinh hãi nói:

- Vừa qua ta đã nói năng gì sao?

Người vợ đáp:

- Lúc chưa ngủ ông không có nói gì sao? Trưởng giả bảo:

-“Ta không nhớ là mình đã nói gì?”. Người vợ nói:

Trước hết, ông đã nói:

- “Ta đã thỉnh Phật và các đệ tử đến nhà trong chín mươi ngày để cúng dường và cung cấp những vật cần dùng. Ông không nói lời này sao?”

Trưởng giả suy nghĩ: “Con người vì rượu mà nhầm lẫn, nên mới xảy ra sự việc như vậy thật đáng hổ thẹn. Phải nên tức thì thỉnh lại! Ngày mai, sáng sớm, ở nhà đốt hương, từ xa thỉnh đức Thế Tôn”.

Có một Tỳ-kheo đến xin thuốc. Trưởng giả hỏi:

- Thầy có bệnh khổ gì?

Tỳ-kheo đáp:

- Bệnh đau đầu.

Trưởng giả nói:

- Bệnh này, tất nhiên là bên trên màng cách có nước, khi ngẩng lên, công kích đầu mình làm cho đau, Trưởng giả liền cho Tỳ-kheo một quả Ha lê lặc, chỉ uống một vị thuốc này, là đủ để tiêu tan chứng bệnh ấy. Tỳ-kheo uống thuốc, bệnh đau đầu khởi ngay! Do phước báo đó, mà suốt trong chín mươi một kiếp, chưa từng bệnh hoạn. Được sinh vào nhà Trưởng giả, đến năm tám mươi tuổi, xuất gia học đạo, trải qua tám mươi năm ở trong kỷ cương của đạo, hợp lại là một trăm sáu mươi năm. Lúc tại gia, từng đau sức, do vậy mà đau đầu, giờ đây thì đã lành hẳn. Cứ như thế, tự thân không có bệnh gì khởi lên.

Vì lý do này, nên Bà Câu La sống lâu bậc nhất. Trong một trăm năm thọ mạng, có thêm sáu mươi năm nữa tức mạng sống rất lâu, người trong đời năm trước mà thọ mạng như vậy quả là đặc biệt. Thí dụ này cũng như ở trong bùn nhơ, mà sinh hoa sen.

Tôn giả A-nan hỏi: “Vì sao ông không vì người thuyết pháp? Vì không có bốn biện tài hay vì thiếu trí tuệ mà không thuyết pháp?”.

Đáp: Đối với bốn biện tài, trí đến rất nhanh chóng, không phải vì không đủ bốn biện tài, mà đúng ra là tự mình ưa tĩnh lặng, không thích ồn ào, nên không thuyết pháp.

Có vấn nạn: “Sự sống lâu dài của Bà Câu La, vì sao không sinh ba phương?”.

Đáp: “Sở dĩ chư Phật không sinh là vì người của các phương kia khó hóa độ. Chúng sinh nơi quốc độ này có căn nhạy bén, linh lợi, rất ác, nhưng dững mãnh, nhận lấy đạo không khó. Thế nên, từ xa xưa, chư Phật đều sinh trong cõi này, không sinh ba phương khác”. Do đó, Bà-câu-la sinh ở phương này đó vậy.

Sở dĩ khen Mãn Nguyệt Tử là thuyết pháp bậc nhất, vì có ba việc mà được gọi là Câu-luật-đà. Tỳ-kheo khác cũng thuyết pháp, nhưng vì không có ba việc có thể ghi nhận, nên không xưng là Câu-luật-đà. Khi Mãn Nguyệt Tử thuyết pháp, trước hết, dùng biện tài xướng phát diệu âm, khiến chúng sinh hoan hỷ, tập trung ngưỡng mộ.

Tiếp theo, dùng lời nói khổ sở để trách cứ tâm mình, khiến tâm ý càng xót xa, cung kính, sợ sệt, khởi lên tưởng khó gặp.

Sau cùng, dùng trí tuệ sáng suốt giảng giải về không, vô tướng, người nghe được kết mở, khiến trí tỏ ngộ, cùng thêm lớn.

Đức Thế Tôn thuyết pháp đầu tiên, giữa, sau cuối, luôn là thiện. Mãn Nguyệt Tử cũng thế, ba sự đều thiện. Ngoài Như Lai, thì không ai có thể thuyết pháp hơn Mãn Nguyệt Tử, Thân Tử tự thề: “Từ sáng đến trưa, phải độ một người, sao cho đạt được dấu ấn đạo”.

Tỳ-kheo Mục Liên cũng thề độ người, trong Bốn Hương, phải tiến tới một bậc, sau đó, mới ăn. Ngoài ra, các Tỳ-kheo khác cũng đều độ người nhưng so với Mãn Nguyệt Tử, thì một trăm phần không bằng một. Mãn Nguyệt Tử từ thành đạo đến Niết-bàn, đã độ chín vạn chín ngàn người. Trong hành Thanh văn, Ngài là người độ chúng rất nhiều, nên gọi Ngài là thuyết pháp Câu-luật-đà.

Sở dĩ khen Ưu-ba-ly là trì luật Câu-luật-đà, vì:

Xưa, do nhận sự thỉnh cầu của phụ vương Đức Phật trở lại bốn quốc, các Tỳ-kheo cùng đi tuy tâm ý đều thanh tịnh, nhưng không biểu lộ được diện mạo của người tu hành giải thoát.

Bấy giờ, nhà vua muốn khuyến khích con em của dòng họ Thích cao sang hãy xuất gia làm Tỳ-kheo, theo hầu Đức Thế Tôn. Tức thì ra lệnh cho các nhà họ Thích, nhà nào có hai người anh em, đều phải có một người xuất gia vì đạo, nếu không theo lệnh, người đó sẽ bị phạt nặng. Lúc ấy, một người thuộc họ Thích, tên là Diện Vương, là người

có vị trí lớn trong họ Thích, muốn xuống tóc trước tiên. Đức Phật bèn bảo Ưu-ba-ly vì những người ấy mà xuống tóc cho họ. Lại bảo: “Các người thuộc họ Thích này đều kiêu hãnh, ưa sự mềm mại, ông khéo léo nhẹ tay.

Ưu-ba-ly liền nhẹ tay, nhưng lại quá nhẹ nên không dính tóc. Khi đó, Ưu-ba-ly đổi ngược lưỡi dao, dùng sống dao để cạo. Đức Phật nói:

- Không thể dùng phần lưỡi dao sao?

Đáp:

- Không thể. Tức thì tóc theo dao cạo từ trên đỉnh đầu, tự nhiên được trừ bỏ hết. Năm trăm Thích tử đều như thế.

Đức Phật dạy Ưu-ba-ly: “Thiện lai Tỳ-kheo! Tức liền trở thành Sa-môn. Phật truyền trao giới, bèn chứng được A-la-hán. Tiếp theo, truyền trao giới cho năm trăm Thích tử, Ưu-ba-ly làm Thượng tọa, lấy tay xoa đầu năm trăm người làm đệ tử. Thọ giới xong, tiếp theo, sẽ lễ Ưu-ba-ly”.

Các Thích Tử trước kia, vốn kiêu hãnh, không hạ mình khuất phục, hơn nữa Ưu-ba-ly lại là con em thuộc người của mình, nên họ đều nói: “Người này là tôi tớ của nhà ta, duyên cớ gì phải lễ?”

Phật dạy: “Không nên như thế, pháp không có sang, hèn, người đạt trước là anh, kẻ đạt sau là em, cao, thấp không thành vấn đề, ngăn giữ ý là lễ.

Tức thì trời đất chấn động lớn, chư Thiên ở trên cõi Trời ca ngợi: “Lành thay! Lành thay! Ngày nay, tánh kiêu mạn của các Thích tử đã được hàng phục. Vì điều này khó đạt được, nên đại địa chấn động. Khi năm trăm Thích Tử này hành đạo, cũng đã có chín vạn chín ngàn người xuất gia vì đạo”.

Ưu-ba-ly từ khi được Phật truyền trao giới đến nay, chưa từng vi phạm một mảy may. Do nhân duyên ấy, nên xưng là Câu-luật-đà. Chỉ là chuyện này, hay lại có sự khác?

Ở phía Bắc Tinh xá Kỳ-viên, có một Tỳ-kheo bị bệnh đã hơn sáu năm, không khỏi. Lúc ấy, Ưu-ba-ly đi đến hỏi Tỳ-kheo này:

- Ông bị bệnh khổ gì? Ông cần gì, cứ nói.

Đáp: “Điều tôi cần thì không thể nói”

Lại hỏi:

- Ông cần vật gì? Nếu ở đây không có vật ấy, thì phải đi khắp bốn phương để tìm; nếu ở thế gian không có, thì phải lên cõi Trời mà tìm?.

Đáp: “Thứ tôi cần dùng ấy, ở trong thành Xá vệ có, vì trái với lời Phật dạy, nên không thể nói”.

Hỏi: “Chỉ nói ra thì không khổ”. Đáp: Vậy thì nói: “Tôi chỉ nghĩ đến rượu, được năm thăng rượu là bệnh sẽ khỏi”.

Ưu-ba-ly nói: “Được! Ông hãy ở đây, ta sẽ vì ông đi hỏi đức Phật, rồi sẽ trở lại”, liền đi hỏi Phật:

- Tỳ-kheo trị bệnh, phải cần rượu để làm thuốc, không cần xét có thể được uống thuốc có rượu đó không?

Đức Thế Tôn bảo:

- Pháp ta đã chế là để trừ bệnh.

Ưu-ba-ly liền trở lại, xin rượu để chữa bệnh, bệnh khỏi; lại còn thuyết pháp do đó bệnh nhân chứng được đạo A-la-hán”. Đức Phật khen Ưu-ba-ly:

- Ông vừa mới hỏi Như Lai về việc này, đã khiến cho Tỳ-kheo kia bệnh được khỏi, lại còn khiến chứng đắc đạo. Vị Tỳ-kheo ấy, nếu không được độ, thì về sau sẽ bị đọa ba đường ác, không có kỳ hạn ra khỏi. Ông nên vì tương lai của Tỳ-kheo này, thiết lập pháp cấm, sao cho họ biết khinh, trọng, để còn được cứu giúp khỏi ách nguy hiểm. Ông thật có khả năng trì luật, ta sẽ đem Tạng Luật phó thác cho ông, đừng để rơi rớt mất. Tạng này là hơn hết trong các tạng, ở đó, không thể bảo cho Sa-di, kể cả người thế tục biết. Vì do duyên này, nên gọi là Câu-luật-đà.

Sở dĩ khen Tỳ-kheo Bà Ca Lợi được Tín giải thoát, là vì Tỳ-kheo này bị bệnh rất lâu, nằm mãi nơi giường suốt sáu năm. Các người chăm sóc, đều bỏ đi hết! Tỳ-kheo tự nghĩ: “Bệnh tật kéo dài quá lâu, người chăm sóc quá mệt mỏi, rất có thể chán ngán. Vả lại, không thấy Như Lai rủ lòng thương, ta nên tự hại, để loại trừ bệnh khổ. Bèn xin con dao, hướng vào dao, nói: “Chỉ nên giết ta, cũng là cách đoạn trừ Kiết chăng!”. Nói xong, dùng dao tự vẫn. Ngay khi Tỳ-kheo vừa đưa dao đến nửa cổ họng là đã được Lưu tận, tiếp tục chặt đứt đầu là đã thọ nhận Niết-bàn”.

Bấy giờ, đại địa chấn động, lan đến chỗ Ma Ba Tuần. Ma Ba Tuần nghĩ:

- Điềm gì mà đại địa chấn động như thế? Liền dùng thiên nhãn quán sát thấy Tỳ-kheo tự hại thân hình họ nhưng không thấy thần thức ở đâu! Quán sát khắp chư Thiên, không thấy thần của họ. Quán sát trong loài người cũng không thấy. Lại quán sát trong ba nẻo ác, cũng lại không thấy!

Lúc ấy, Phật cùng các Tỳ-kheo chuẩn bị thiêu đốt xác. Thấy lửa tử thi bốc lên, Ba Tuần phóng lửa để tìm kiếm thần thức của Tỳ-kheo,

nhưng đều không biết ở đâu? Sở dĩ tìm kiếm vì muốn biết tiến tới cõi nào, sẽ phá hoại khiến cho không thành chăng? Các Tỳ-kheo đã thiêu đốt xác xong. Đức Phật khen Tỳ-kheo này đã đắc Tín giải thoát.

Hoặc nói: “Phàm là người hết mức tin, thì thường phó thác mạng cho tự nhiên, hãy còn không biết cầm gậy để tự đề phòng, huống chi lại tự hại?”.

Đáp: “Nói đến Tín, sở dĩ cầm đao là vì đao là gươm tuệ. Vì có ý định muốn dứt trừ các kết. Thân tức là gốc của kết, gốc dứt trừ, thì nhánh sẽ đoạn theo thân, tức kết bị trừ. Vì lý do này, nên người cầm đao không bị trở ngại, vì cầm đao tín là để chặt đứt cây nghi. Câu dưới nói: “Ý không có do dự, từ tín giải thoát đến giải thoát không có nghi, tức chuyển biến từ độn căn trở thành lợi căn. Do nghĩa này, nên gọi Ngài là bậc nhất đã đắc Tín giải thoát”.

